HUYỆN CẦU NGANG - TỈNH TRÀ VINH

ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ THUẬN HÒA, HUYỆN CẦU NGANG ĐẾN NĂM 2030
(ĐIỀU CHỈNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ THUẬN HÒA)

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN XÃ

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ THUẬN HÒA
HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

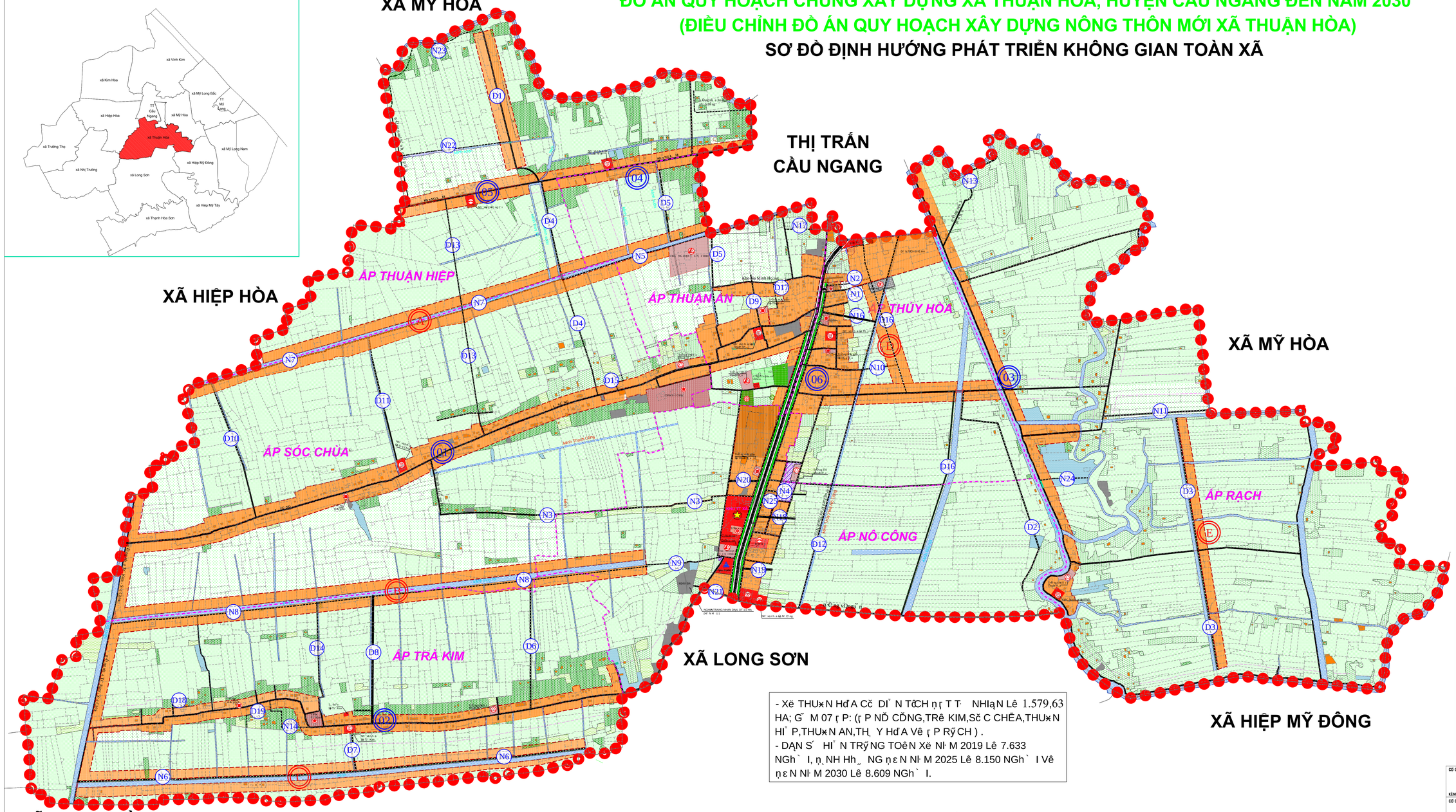

CHỈ THỊCH:

- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH
- CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI - CHỢ
- CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
- TRƯỜNG THCS
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG MẦM NON
- THỂ DỤC THỂ THAO
- BƯU ĐIỆN
- Y TẾ
- TÔN GIÁO
- BÃI RÁC
- TRẠM NƯỚC
- ĐIỂM DÂN CƯ HIỆN HỮU
- ĐIỂM DÂN CƯ QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Kh HI˙ U

- ƣ ţ T NGHƢA ƣ¸ A
- ƣ ţ T NUÔI TR˙ NG TH¸ Y S¶ N
- ƣ ţ T M¸T Nh¸ C
- ƣ ţ T TÔN GIÁO
- CÔNG TRÌNH CÔNG C¸ NG
- ƣ ţ T GIÁO D¸ C
- ƣ ţ T Y Tє
- ƣ ţ T Hє NH CHÈNH
- ƣ ţ T TR˙ NG LÐA
- ƣ ţ T TR˙ NG CÂY LÂU NĂM
- ƣ ţ T TR˙ NG CÂY HƠNG NĂM
- ƣ ţ T¸ HI˙ N H U
- ƣ ţ T¸ XÂY D NG M¸ I
- CÂY XANH-TDTT
- ƣ ţ T S¶ N XUţ T
- ƣ ţ T QU˙ C PHÒNG
- ƣ ţ T Bє I RÁC
- GIAO THÔNG HI˙ N TRẠNG
- GIAO THÔNG M¸ R NG
- GIAO THÔNG M¸ M¸ I
- RANH QUY HOẠCH
- RANH ţ P
- RANH ƣ IqM DÂN Cư

- Xë THUx N HƢA Cč DÍ N TćCH ƣ ţ T T NHIąN Lê 1.579,63 HA; G˙ M 07 ţ P: (ţ P NÐ CÔNG,TRêN KIM,Sč C CHÈA,THUx N HI˙ P,THUx N AN,TH¸ Y HƢA Vê ţ P RẠCH) .
- DÂN S˙ HI˙ N TRẠNG TOÊN Xë NĂM 2019 Lê 7.633 NGh` I, ƣ¸ NH Hh¸ NG ƣ ε N NĂM 2025 Lê 8.150 NGh` I Vê ƣ ε N NĂM 2030 Lê 8.609 NGh` I.

Bü NG TH˙ NG Kạ CÁC TUYε N ƣ h` NG GIAO THÔNG QUY H˙ ACH

I	Liên ấp							
1	D2	Quy hoạch	1.230	2,5	4,5	BTCT	5.535	Làm mới
2	D4	Quy hoạch	986	3,5	5,5	Nhựa	5.423	Làm mới
3	D5	Quy hoạch	873	3,5	5,5	Nhựa	4.802	Làm mới
4	D8	Quy hoạch	742	3,5	5,5	Nhựa	4.081	Làm mới
5	D13	Quy hoạch	1.100	2,5	4,5	BTCT	4.950	Làm mới
6	D16	Quy hoạch	2.242	2,5	4,5	BTCT	10.089	Làm mới
7	N3	Quy hoạch	996	3,5	5,5	Nhựa	5.478	Làm mới
8	N13	Quy hoạch	317	2,5	4,5	BTCT	1.426	Làm mới
II	Liên xóm							
1	D1	Quy hoạch	549	2,5	4,5	BTCT	2.470	Làm mới
2	D10	Quy hoạch	450	3,5	5,5	Nhựa	2.475	Làm mới
3	D14	Quy hoạch	512	3,5	5,5	Nhựa	2.816	Làm mới
4	D17	Quy hoạch	150	3,5	5,5	Nhựa	825	Làm mới
5	N1	Quy hoạch	222	2,5	4,5	BTCT	999	Làm mới
6	N2	Quy hoạch	220	2,5	4,5	BTCT	990	Làm mới
7	N10	Quy hoạch	174	2,5	4,5	BTCT	783	Làm mới
8	N14	Quy Hoạch	340	2,5	4,5	BTCT	1.530	Làm mới
9	N15	Quy hoạch	130	2,5	4,5	BTCT	585	Làm mới
10	N16	Quy hoạch	272	2,5	4,5	BTCT	1.224	Làm mới
11	N17	Quy hoạch	250	2,5	4,5	BTCT	1.125	Làm mới
12	N18	Quy hoạch	193	2,5	4,5	BTCT	869	Làm mới
13	N19	Quy hoạch	148	2,5	4,5	BTCT	666	Làm mới
14	N20	Quy hoạch	146	2,5	4,5	BTCT	657	Làm mới
15	N21	Quy hoạch	244	2,5	4,5	BTCT	1.098	Làm mới

C	TRỤC NỘI ĐỒNG							
1	D3	Quy hoạch	1.303	2,5	4,5	BTCT	5.863	Làm mới
2	D6	Quy hoạch	665	3,5	5,5	Nhựa	3.658	Làm mới
3	D7	Quy hoạch	185	3,5	5,5	Nhựa	1.018	Làm mới
4	D9	Quy hoạch	267	3,5	5,5	Nhựa	1.469	Làm mới
5	D11	Quy hoạch	391	3,5	5,5	Nhựa	2.150	Làm mới
6	D12	Quy hoạch	647	2,5	4,5	BTCT	2.912	Làm mới
7	D15	Quy hoạch	350	2,5	4,5	BTCT	1.575	Làm mới
8	D18	Quy hoạch	150	3,5	5,5	Nhựa	825	Làm mới
9	D19	Quy hoạch	170	3,5	5,5	Nhựa	935	Làm mới
10	N4	Quy hoạch	204	3,5	5,5	Nhựa	1.122	Làm mới
11	N5	Quy hoạch	1.169	3,5	5,5	Nhựa	6.430	Làm mới
12	N6	Quy hoạch	2.595	3,5	5,5	Nhựa	14.272	Làm mới
13	N7	Quy hoạch	7.646	3,5	5,5	Nhựa	42.053	Làm mới
14	N8	Quy hoạch	11.517	3,5	5,5	Nhựa	63.343	Làm mới
15	N9	Quy hoạch	650	3,5	5,5	Nhựa	3.575	Làm mới
16	N11	Quy hoạch	543	2,5	4,5	BTCT	2.443	Làm mới
17	N12	Quy hoạch	238	2,5	4,5	BTCT	1.071	Làm mới
18	N13	Quy hoạch	317	2,5	4,5	BTCT	1.426	Làm mới
19	N22	Quy hoạch	900	2,5	4,5	BTCT	4.050	Làm mới
20	N23	Quy hoạch	700	2,5	4,5	BTCT	3.150	Làm mới
21	N24	Quy hoạch	250	2,5	4,5	BTCT	1.125	Làm mới
22	N25	Quy hoạch	150	3,5	5,5	Nhựa	825	Làm mới

Bü NG TH˙ NG Kạ CÁC ƣ IqM DÂN Cư

STT	KÝ HIỆU	DANH MỤC	DÂN SỐ (người)	CHỈ TIÊU (l/người.ngđ)	LƯU LƯỢNG NƯỚC CẤP (m^3/ngđ)
1	TT	Điểm dân cư trung tâm	2.000	80	160,0
2	A	Tuyến dân cư A	450	80	36,0
3	B	Tuyến dân cư B	480	80	38,4
4	C	Tuyến dân cư C	510	80	40,8
5	D	Tuyến dân cư D	850	80	73,6
6	E	Tuyến dân cư E	598	80	47,8
7	01	Tuyến dân cư số 1	720	80	57,6
8	02	Tuyến dân cư số 2	970	80	95,2
9	03	Tuyến dân cư số 3	840	80	75,2
10	04	Tuyến dân cư số 4	850	80	76,0
11	05	Tuyến dân cư số 5	739	80	66,9
12	06	Tuyến dân cư số 6	910	80	73,6
Nước cấp Công trình công cộng			15%Qsh		
Nước dự phòng rò rỉ			15%Q		
TỔNG			**9.917**		**841,1**

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ..... NGÀY .....THÁNG.....NĂM .....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ: ..... NGÀY .....THÁNG .....NĂM .....

CƠ QUAN THỎA THUẬN:

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ: ..... NGÀY .....THÁNG.....NĂM .....

CHỦ ĐẦU TƯ:

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ..... NGÀY.....THÁNG .....NĂM .....

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ THUẬN HÒA, HUYỆN CẦU NGANG ĐẾN NĂM 2030 (ĐIỀU CHỈNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ THUẬN HÒA)

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN XÃ

BẢN VẼ:	GHÉP:	TỶ LỆ: 1/10.000	NĂM: ...../2019
THIẾT KẾ	Ths.KS NGUYễN THANH BÌNH		
CHỦ TRÌ	KTS. TRẦN PHƯỚC VĨNH		

GIÁM ĐỐC

KTS. TRẦN PHƯỚC VĨNH

TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ :226 TRẦN PHÚ,P7,TP TRÀ VINH,TỈNH TRÀ VINH .TEL:(0294) 3.863.255

TỜ SỐ:	ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ THUẬN HÒA, HUYỆN CẦU NGANG ĐẾN NĂM 2030 (ĐIỀU CHỈNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ THUẬN HÒA)	QH03